

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/08/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	CTK3+BK9+BK14	7:25	8+6+8	0+0+0		7+5+10	0+0+0	
2	846	P8+P4+TD3	7:25	6+0+12	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
3	406	VSP02+RC3+TD5	7:25	7+0+15	0+0+0		2+4+16	0+0+0	
4	420	PPD+BK4+JS2	9:25	21+1+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	TRANS 4 PAX BK4-JS2
5	846	CNV+P7+AMD	9:25	8+6+8	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
6	406	CTK3+TD2+P9	9:25	21+1+0	0+0		18+2+2	0+0	
7	420	CTK3+PPD	11:25	10+11	0+0		8+14	0+0	4 NG PVD2 VỀ QUA PPD
8	846	VSP02+DD8	11:25	21+1	0+0		17+5	0+0	
9	406	AMD+P11	11:25	21+0	0+0		19+2	0+0	
10	420	RP2+VSP02+TD1	13:25	17+5+0	0+0+0		0+15+7	0+0+0	CHECK IN 12H00

TTBDSX

Ghi Chú : 1/CTK3: 4 NG. XNKI ĐI VỀ TRONG NGÀY ; 1 NG TTC2 (ĐĂNG KIỆM) CHUYÊN QUA TDI VỀ BỜ

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/08/2017	TO: VSP02 - RC3 - TD5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vận - TTrung - THỤ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POKLONSKIY A.S.	VSP02	31	1	3		82	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN NGO HOAN	VSP02	29-30	2	12		67	YTE	Vietnamese
3	LE THANH TAI	VSP02	33	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG NGOC CUONG	VSP02				30	73	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN LE HOI	VSP02	32	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE CONG HOAN	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					61	KH-THAC	Vietnamese
8	SADOVNIKOV ALEKSANDER	TD5	04	1	8		130	KHOAN	Russian
9	PHAM VAN BINH	TD5	18	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEN	TD5	03	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
11	LE ANH MINH	TD5	12	1	4	23	70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TUAN	TD5	02	1	3	30	65	KHOAN	Vietnamese
13	MAI XUAN HA	TD5	05-06	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TAN VINH	TD5	07-08	2	18		82	KHOAN	Vietnamese
15	MAI TRUONG TRUNG	TD5	11	1	6		57	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN BA HOA	TD5	09	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN LEN	TD5	10	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
18	TONG VINH PHUOC	TD5	13-14	2	16		66	NHA THAU	Vietnamese
19	LE THANH TRUNG	TD5	16	1	6		75	NHA THAU	Vietnamese
20	ĐO ĐỨC HIỆU	TD5	19	1	7		62	NHA THAU	Vietnamese
21	LE DINH LUYEN	TD5	15	1	5		62	NHA THAU	Vietnamese
22	NGO TRI HOANG	TD5	17	1	7		67	DIAVATLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	7	5	24	481	30	2		
2	RC3	0	0	0	0	0	4		
3	TD5	15	18	106	1.085	53	16		
TOTAL		22	23	130	1.566	83	22		
WEIGHT KG				130	1.566	83			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

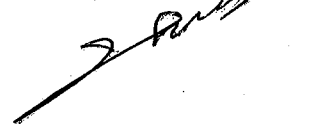
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2017	TO: CTK3 - BK9 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Binh - Hanh - Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO V.A.	CTK3					95	KH-THAC	Russian
2	ORLOV I.V.	CTK3	50	1	6		88	KH-THAC	Russian
3	MYRSAYAPOV R.R	CTK3					101	KH-THAC	Russian
4	OLIMPIEV A.A.	CTK3	51	1	5		90	KH-THAC	Russian
5	PHAM XUAN HOA	CTK3					80	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE DUC TAN	CTK3	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN QUANG CHUNG	CTK3					67	KH-THAC	Vietnamese
9	LUU VAN KHUONG	BK9	75	1	5		76	ĐK9	Vietnamese
10	LE MINH ĐỨC	BK9	73-74	2	16		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN ĐỨC CƯỜNG	BK9	68-69	2	10	30	70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐAO TRỌNG HIỆP	BK9	70	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN BINH	BK9	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN VINH	BK9	71	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	VÔ THÈ HẬU	BK14	97	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN HUNG	BK14					83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CHINH	BK14	96	1	5	70	65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO ANH ĐỨC	BK14	93-94	2	12		77	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TUYẾN	BK14					70	KH-THAC	Vietnamese
20	CAO QUANG HUNG	BK14	32	1	7	30	80	CODIEN	Vietnamese
21	PHAN TIEN CUONG	BK14	95	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	PHẠM VĂN TÀI	BK14	98	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	3	16	661	0	7		
2	BK9	6	8	49	427	30	5		
3	BK14	8	7	39	576	100	10		
TOTAL		22	18	104	1.664	130	22		
WEIGHT KG				104	1.664	130			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Aug-17	TO: P8 - P4 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LBình - TRƯỜNG -	ETA: 09:15
CAM-1		MQUẢN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TĂNG VƯƠNG	P8	08	1	14	20	61	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THUY	P8	05-06	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P8	07	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ HỒNG HAN	P8	01-02	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẠO QUYẾT THẮNG	P8	09	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐINH MẠNH HẠ	P8	03-04	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	37	1	5	4	75	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ ANH XUÂN	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HAI NAM	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HIỆN	TD3	39	1	5	22	73	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HỮU VŨNG	TD3	34	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
12	LƯU VĂN SƠN	TD3	40	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VĂN KIEM	TD3	41	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
14	CHU VĂN THẮNG	TD3	35	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐO THANH HẢI	TD3	38	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TUẤN ANH	TD3	42	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN SƠN HẢI	TD3	36	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THỌ	TD3	45	1	6		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	6	9	88	395	20	0		
2	P4	0	0	0	0	0	4		
3	TD3	12	10	54	876	26	18		
TOTAL		18	19	142	1.271	46	22		
WEIGHT KG				142	1.271	46			

GRAND TOAL: 1.459 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Aug-17	TO: PPD - BK4 - JS2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYỀN - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC SON	PPD	40	1	5	60	72	KH-THAC	Vietnamese
2	QUACH SY TY	PPD	31	1	2		64	PSV	Vietnamese
3	BUI VAN QUYET	PPD	28	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC QUÂN	PPD	49	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO VIET ANH	PPD					85	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NANG PHONG	PPD	32-33	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN CAO CUONG	PPD	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN SON	PPD	29	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	BIEN MINH SON	PPD	50	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH TRI	PPD	37	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO ĐỨC VŨNG	PPD	35	1	17		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CHUNG	PPD	39	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN ĐẠO	PPD	42-43	2	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MẠNH CUONG	PPD	34	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD	41	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MẠNH CHIEN	PPD	44	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TỬ ANH	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI MẠNH KHANH CUONG	PPD	38	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ANH NGOC	PPD	27	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ HUY DU	PPD	36	1	7		101	KHI	Vietnamese
22	HOANG VAN THIEN	BK4	51	1	4	40	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	20	119	1.520	60	16		CHUYEN 4 PAX BK4 SANG JS2
2	BK4	1	1	4	60	40	0+4		
3	JS2	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	21	123	1.580	100	22		
WEIGHT KG				123	1.580	100			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2017	TO: CTK3 - TD2 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - TTrung - THU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TUAN	CTK3	66	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY HA	CTK3	61	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	HA MINH GIANG	CTK3	55	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG KIM	CTK3	59	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI KHAC PHONG	CTK3	57-58	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	63	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN DUC HANH	CTK3	60	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM QUANG THAI	CTK3	67-68	2	14		79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN ANH	CTK3	76	1	5	75	65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUU HUAN	CTK3	74	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DOAN QUANG TUAN	CTK3	54	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	LE THANH LIEM	CTK3	53	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CANH HUNG	CTK3	64-65	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG QUOC BAO	CTK3	62	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO VIET HUNG	CTK3	71	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN KHAC THANG	CTK3	56	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DOAN	CTK3	70	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN XUAN THANH	CTK3	73	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN DAN QUE	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAI	CTK3	72	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	23	130	1.514	75	18		
2	TD2	0	0	0	0	0	2		
3	P9	0	0	0	0	15	2		
TOTAL		22	23	130	1.514	90	22		
WEIGHT KG				130	1.514	90			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2017	TO: CNV - P7 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LBinh - TRƯỜNG - MQUAN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	17	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	15	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CNV	14	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HẠO	CNV	18	1	5	87	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	CNV	13	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TU ANH	CNV	97	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
7	ĐỖ VIỆT LONG	CNV	98-99	2	17		60	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	CNV	16	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	TRẦN HỮU NGHỊ	P7	57-58	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRỊNH XUÂN TÍNH	P7	51-52	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ BÌNH MINH	P7	59	1	12		50	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH LÝ	P7	56	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
13	THIỆU VĂN LONG	P7	55	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN VĂN ĐỨC	P7	53-54	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM VĂN AN	AMD	57	1	9		67	HLJOC	Vietnamese
16	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	55-56	2	15		68	HLJOC	Vietnamese
17	RJAY BORJA SOLIMAN	AMD	50-51	2	14		84	BAB/VSP	Filipino
18	BUI HỒNG THAI	AMD	60	1	7		70	VT SHIP/VS	Vietnamese
19	NGÔ TUẤN KHANH	AMD	61	1	5		70	VT SHIP/VS	Vietnamese
20	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	52	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN LÊ HỒNG VŨ	AMD	53	1	10	30	60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HẠNG HAI	AMD	54	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	8	9	61	570	87	5		
2	P7	6	9	90	418	0	0		
3	AMD	8	10	81	569	30	17		
TOTAL		22	28	232	1.557	117	22		
WEIGHT KG				232	1.557	117			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11-Aug-17	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - Năm	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HỮU BẢO	CTK3	79	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐẶC THANH	CTK3	82	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN DUY PHƯƠNG	CTK3	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LE MANH HUNG	CTK3	81	1	9		75	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	CTK3	89	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG ĐỊNH	CTK3	85	1	10	14	70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN LỘC	CTK3	83	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN SY ANH TU	CTK3	88	1	17	20	74	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH TIẾN	CTK3	80	1	4		56	PSV	Vietnamese
11	HOANG VAN PHAI	PPD	60	1	11	30	65	KHI	Vietnamese
12	TRẦN KHOA BANG	PPD	58	1	14		73	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KHƯƠNG	PPD	61	1	13		70	KHI	Vietnamese
14	BUI HỒNG SANG	PPD	55-56	2	20		94	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	PPD	51-52	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
16	TÔ QUỐC TUẤN	PPD	53-54	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN KIẾN	PPD	64	1	3		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG LONG	PPD	57	1	5		57	PSV	Vietnamese
19	LE XUÂN ĐAM	PPD	59	1	5		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUYNH	PPD	63	1	4		74	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN ĐỨC	PPD	62	1	4		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	10	89	700	49	8		
2	PPD	11	14	113	734	30	14		
TOTAL		21	24	202	1.434	79	22		
WEIGHT KG				202	1.434	79			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2017	TO: AMD - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Vận - MMinh - THỤ	ETA: 13:20
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TRÍ TRUNG	AMD	14	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MẠNH HA	AMD	21	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	20	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ THÈ THANH	AMD	23-24	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
5	THAI THANH THAO	AMD	66	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN CHUNG	AMD	70	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN GIANG	AMD	22	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRAN DUC MINH	AMD	16	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HOANG HỒNG SANG	AMD	18-19	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LONG	AMD	26-27	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VĂN DÂN	AMD	12	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
12	PHI MẠNH HAI	AMD	25	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯỜNG LÊ ANH DUNG	AMD	15	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CHI CUÔNG	AMD	17	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TRUNG KIEN	AMD	13	1	10	40	66	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN MINH TUẤN	AMD	71	1	13	63	61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LEM	AMD	69	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HỒNG SƠN	AMD	72	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
19	HA QUANG HUY	AMD	67	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRỌNG TUẤN	AMD	68	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VAN PHONG	AMD	65	1	10		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	24	186	1.453	103	19		
2	P11	0	0	0	0	60	2		
TOTAL		21	24	186	1.453	163	21		
WEIGHT KG				186	1.453	163			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/08/2017	TO: VSP02 - DD8	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - MQUÂN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH THAO	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG TRUNG VIET	VSP02	90	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VIET NGOC	VSP02	82	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
4	VO TAN LINH	VSP02	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO VAN KHA KHA	VSP02	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE NGOC DUNG	VSP02	89	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO DUC TRI	VSP02	87	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI XUAN TIEN	VSP02	79	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN SY LAM	VSP02	91	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH HA	VSP02	77	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN HUU KHANH	VSP02	83	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
12	HA MANH THANG	VSP02	80	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG TUYEN	VSP02	88	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUY BINH	VSP02	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	VU THAI SON	VSP02	93	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUOC HOAN	VSP02	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG ANH HUNG	VSP02	74	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO DUC CHU	VSP02	76	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	90	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
21	LU SON	VSP02	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG THE TAI	DD8	30	1	5	10	76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	20	105	1.462	0	17		
2	DD8	1	1	5	76	10	5		
TOTAL		22	21	110	1.538	10	22		
WEIGHT KG				110	1.538	10			

GRAND TOTAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Aug-17	TO: RP2 - VSP02 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 13:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - Năm	ETA: 15:10
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN PHÚC NGUYỄN	RP2	88-89	2	13		80	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÌNH ĐỨC THIÊN	RP2	90	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN TUẤN	RP2	200	1	14		62	XAYLAP	Vietnamese
4	KIEU HAI DƯƠNG	RP2	93	1	8		65	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ XUÂN HUNG	RP2	87	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
6	LUONG VAN THUC	RP2	99	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HUY	RP2	86	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC THO	RP2	0			30	62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG TRIÊM	RP2	85	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN HUNG	RP2	91	1	10		55	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYEN TRƯỜNG THANH	RP2	93	1	4		65	NHATHAU	Vietnamese
12	HỒ ĐÌNH THÔNG	RP2	94	1	8		60	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HAI	RP2	95	1	8		82	NHATHAU	Vietnamese
14	PHẠM HUY TÂN	RP2	97	1	6		56	NHATHAU	Vietnamese
15	MAI XUAN PHI	RP2	92	1	5		62	NHATHAU	Vietnamese
16	NGUYEN HUU THANG	RP2	98	1	10		56	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYEN ANH THANG	RP2	96	1	10		55	NHATHAU	Vietnamese
18	TÔ VĂN HUNG	VSP02	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUYET	VSP02	57	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI NGUYEN QUANG	VSP02	56	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ TRUNG DUNG	VSP02	55	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
22	ARTIUSHIN	VSP02	58	1	10		90	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	17	156	1.075	30	0		
2	VSP02	5	5	35	334	0	15		
3	TD1	0	0	0	0	5	7		
TOTAL		22	22	191	1.409	35	22		
WEIGHT KG				191	1.409	35			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/08/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	420	TD1	7:25	20	0		22	0	
2	846	CLO+TD1	7:25	13+0	0+0		12+10	0+0	

TPBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2017	TO: CLO - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THU	ETA: 09:15
HONG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN KHOA	CLO	30	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HUNG	CLO	31	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HUNG	CLO	96	1	6	47	70	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN HAI	CLO	29	1	5	20	58	KHOAN	Vietnamese
5	PHUNG BA TUAT	CLO	900	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN ĐANG BAO	CLO	88	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO TRUONG GIANG	CLO	32	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN CONG BANG	CLO	28	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	LE VAN LO	CLO	27	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN ĐANG	CLO	24	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN MINH TUAN	CLO	26	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
12	MAKAROV	CLO	25	1	14		95	ANTOAN	Russian
13	NGUYEN XUAN PHU	TD1	02-04	3	15		71	DIEU HANE	Vietnamese
14	PHAM NGOC HUNG	TD1	01	1	7	90	70	DIEU HANE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	12	12	61	829	67	12		
2	TD1	2	4	22	141	90	10		
TOTAL		14	16	83	970	157	22		
WEIGHT KG				83	970	157			

GRAND TOAL: 1.210 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Aug-17	TO: TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIÊN - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MẠNH HÙNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	TD1	94-96	3	15		69	YTE	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HIỆU	TD1	84	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
4	NIKOLAYEV	TD1	82	1	10		75	KHOAN	Russian
5	SMAKOV A.A	TD1	81	1	6		80	KHOAN	Russian
6	TRẦN MẠNH TIỆP	TD1	97	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VĂN LUẬN	TD1	80	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH NAM	TD1	39	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	TD1	76,99	2	7		63	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THANH TUẤT	TD1	38	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
11	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	40	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NINH ĐỨC THUẬT	TD1	37	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN HUY QUANG	TD1	42-43	2	16		74	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN QUANG LƯỢNG	TD1	41	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	TD1	900	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HOÀN	TD1	36	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
17	BLINDEROV	TD1	83	1	5		91	VANTAI	Russian
18	TRẦN TUNG PHONG	TD1	98,199	2	8		72	VANTAI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	22	117	1.285	0	22		
TOTAL		18	22	117	1.285	0	22		
WEIGHT KG				117	1.285	0			

GRAND TOAL: 1.402 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN